TÒA ÁN NHÂN DÂNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNGĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **187**/2026/DS-ST
Ngày: 30-3-2026
V/v *Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Ảnh

2. Ông Nguyễn Văn Sanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Minh Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 245/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty T**. Địa chỉ: tầng A, tháp B, khu thương mại dịch vụ kết hợp nhà cao tầng tại lô đất 1 – 13 thuộc Khu C - số A T, phường A, TP Hồ Chí Minh. Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn Đ, bà Lê Thị Thảo N, ông Trần Hoàng H, ông Nguyễn Ngọc A, cùng địa chỉ: H N, phường H, TP Đà Nẵng. Ông H có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Văn H1**, sinh năm 1987. Trú tại: Thôn C, xã H, huyện H (nay là phường H) Tp Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án; văn bản trình bày ý kiến, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hoàng H trình bày:

Ngày 03/08/2023, Công ty T (Sau đây gọi tắt là "Công ty T" hoặc "Công ty") và ông Trần Văn H1 có ký hợp đồng cho vay số 101485116 (Sau đây gọi tắt là "Hợp đồng").

Theo đó, Công ty T cho ông Trần Văn H1 vay số tiền 33,000,000 đồng với lãi suất 38%/năm, mục đích vay: Mua đồ dùng, TTB gia đình - Tiêu dùng; loại hình

vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 03/08/2023, Công ty T đã giải ngân đủ số tiền 33,000,000 đồng cho ông Trần Văn H1. Căn cứ quy định của hợp đồng, ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 kỳ vào ngày 16 hàng tháng, kỳ đầu tiên vào ngày 16/08/2023 và kỳ cuối cùng vào ngày 16/07/2026, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1,523,448 đồng, kỳ cuối cùng là 1,523,438 đồng.

Tuy nhiên, ông Trần Văn H1 đã thanh toán tổng cộng 8 kỳ với tổng số tiền là 12,217,088 đồng, trong đó gốc đã trả là 5,016,068 đồng, lãi đã trả là 7,201,020 đồng. Ông Trần Văn H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện, nhưng ông Trần Văn H1 vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T.

Vì vậy, Công ty T đã gửi đơn khởi kiện ông Trần Văn H1 đến Tòa án nhân dân Khu Vực 1 - Thành Phố Đà Nẵng để đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Yêu cầu ông Trần Văn H1 phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền tạm tính đến ngày 30/3/2026 là: 55.334.031 đồng (Năm mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm ba mươi mốt đồng), trong đó: nợ gốc là 27.983.930 đồng, lãi trong hạn 8.595.022 đồng, lãi quá hạn 18.755.078 đồng và tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng kể từ ngày 31/3/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Đối với bị đơn ông Trần Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đà Nẵng thụ lý và giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty T về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Trần Văn H1 có nơi cư trú tại Thôn C, xã H, huyện H (nay là phường H) Tp Đà Nẵng là đúng với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn H1 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét về nội dung khởi kiện:

Ngày 03/08/2023, Công ty T1 và ông Trần Văn H1 có ký hợp đồng cho vay số 101485116. Theo đó, Công ty T cho ông Trần Văn H1 vay số tiền 33,000,000 đồng với lãi suất 38%/năm, mục đích vay: Mua đồ dùng, TTB gia đình - Tiêu dùng; loại hình vay: tín chấp (không yêu cầu tài sản đảm bảo). Vào ngày 03/08/2023, Công ty T đã giải ngân đủ số tiền 33,000,000 đồng cho ông Trần Văn H1. Ông Trần Văn H1 có nghĩa vụ thanh toán khoản vay bao gồm gốc và lãi trong vòng 36 kỳ vào ngày 16 hàng tháng, kỳ đầu tiên vào ngày 16/08/2023 và kỳ cuối

cùng vào ngày 16/07/2026, số tiền thanh toán mỗi kỳ là 1,523,448 đồng, kỳ cuối cùng là 1,523,438 đồng. Xét thấy việc giao kết Hợp đồng nói trên là đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng nên Hợp đồng phát sinh hiệu lực.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Văn H1 đã thanh toán tổng cộng 8 kỳ với tổng số tiền là 12,217,088 đồng, trong đó gốc đã trả là 5,016,068 đồng, lãi đã trả là 7,201,020 đồng. Ông Trần Văn H1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, mặc dù Công ty đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện, nhưng ông Trần Văn H1 vẫn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Công ty T yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn H1 phải trả cho Công ty T với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/3/2026 là: 55.334.031 đồng (Năm mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm ba mươi mốt đồng), trong đó: nợ gốc là 27.983.930 đồng, lãi trong hạn 8.595.022 đồng, lãi quá hạn 18.755.078 đồng và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Công ty theo lãi suất quy định tại Hợp đồng đã ký kết là phù hợp với thỏa thuận trong Hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Ông Trần Văn H1 phải chịu 2.766.701 đồng (Hai triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn, bảy lẻ một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 942.704 đồng (Chín trăm bốn mươi hai ngàn, bảy trăm lẻ bốn đồng) theo biên lai thu số 0004617 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự T2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 299, 322, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T đối với ông Trần Văn H1 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

1. Buộc ông Trần Văn H1 thanh toán cho Công ty T với tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/3/2026 là: 55.334.031 đồng (Năm mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi bốn ngàn, không trăm ba mươi mốt đồng), trong đó: nợ gốc là 27.983.930 đồng, lãi trong hạn 8.595.022 đồng, lãi quá hạn 18.755.078 đồng.

Kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Văn H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Văn H1 phải chịu 2.766.701 đồng (Hai triệu, bảy trăm sáu mươi sáu ngàn, bảy lẻ một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 942.704 đồng (Chín trăm bốn mươi hai ngàn, bảy trăm lẻ bốn đồng) theo biên lai thu số 0004617 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự T2.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 1 – Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Ngọc Hưng